

THÔNG TƯ

Quy định việc thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc của Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định việc thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc của Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về việc phân công thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc của Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh), Tòa án nhân dân khu vực; Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao.

3. Thông tư này không áp dụng đối với Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Tòa án quân sự.

Điều 2. Nguyên tắc phân công thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc đối với Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao

1. Tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Bảo đảm Thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

3. Bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, khách quan, hợp lý.

4. Bảo đảm phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, năng lực xét xử, điều kiện đi lại, thời gian làm việc của Thẩm phán Tòa án nhân dân tại Tòa án nhân dân tối cao.

5. Việc phân công thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ở đơn vị công tác của Thẩm phán Tòa án nhân dân tại Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 3. Phân công Thẩm phán Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc tại các Tòa án

1. Thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 1 công tác tại Tòa án nhân dân tối cao được phân công thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc tại Tòa án nhân dân khu vực.

2. Thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 2 công tác tại Tòa án nhân dân tối cao được phân công thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

3. Thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 3 công tác tại Tòa án nhân dân tối cao được phân công thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc tại Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

4. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định phân công Thẩm phán Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc tại các Tòa án nhân dân theo đề nghị của Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao. Trường hợp cần thiết, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định biệt phái Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao để thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc tại các Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Số lượng vụ án, vụ việc tham gia xét xử, giải quyết

1. Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao tham gia xét xử, giải quyết tối thiểu 05 vụ án, vụ việc/năm.

2. Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao tham gia xét xử, giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự (gồm vụ án dân sự và việc dân sự), vụ việc phá sản; vụ việc vi phạm hành chính và vụ án, vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc

1. Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tiễn công tác của các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Vụ Tổ chức - Cán bộ tham mưu, trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định phân công Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc tại các Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; trong đó nêu rõ tên đơn vị, Tòa án nơi Thẩm phán Tòa án nhân dân được phân công thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc.

2. Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực nơi Thẩm phán Tòa án nhân dân được phân công thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc có trách nhiệm phân công hồ sơ, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án giúp việc và các điều kiện cần thiết khác cho Thẩm phán Tòa án nhân dân để thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao nơi Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác có trách nhiệm tạo điều kiện về thời gian, bố trí công việc hợp lý cho Thẩm phán Tòa án nhân dân trong thời gian thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc tại các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

4. Hằng năm, Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng đơn vị nơi Thẩm phán công tác và Vụ Tổ chức - Cán bộ về kết quả thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc được phân công, kèm theo bản nhận xét, đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc của Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực nơi Thẩm phán Tòa án nhân dân được phân công thực hiện nhiệm vụ xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất, kiến nghị thì phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) để tổng hợp, báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định. / *pluc*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản để đăng công báo);
- Thành viên HĐTP TANDTC;
- Các đơn vị thuộc TANDTC;
- TAND các cấp;
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT (TANDTC, Vụ PC&QLKH).

